

Số: 42/TB-PCTT

Tiền Giang, ngày 21 tháng 02 năm 2025

**THÔNG BÁO**

**Tình hình mặn khu vực tỉnh Tiền Giang**

*(Từ 12 giờ ngày 20/02/2025 đến 12 giờ ngày 21/02/2025)*

| Stt                                          | Vị trí điểm đo                                       | Độ mặn cao nhất (gam/lít) | So với ngày trước (gam/lít) | So với cùng kỳ năm 2024 | So với cùng kỳ năm 2016 |
|----------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>I Trên Sông Tiền</b>                      |                                                      |                           |                             |                         |                         |
| 1                                            | Cổng Vàm Giồng (xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây)      | 4,45                      | giảm 2,07 g/l               | cao hơn 0,25 g/l        | thấp hơn 3,85 g/l       |
| 2                                            | Bến Đò Hòa Định (xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo)         | 1,70                      | giảm 0,90 g/l               | cao hơn 0,40 g/l        | thấp hơn 3,10 g/l       |
| 3                                            | Cổng Xuân Hoà (xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo)          | 0,64                      | giảm 0,08 g/l               | cao hơn 0,30 g/l        | thấp hơn 1,96 g/l       |
| 4                                            | Vàm Tân Mỹ Chánh (phường 9, thành phố Mỹ Tho)        | 0,24                      | giảm 0,23 g/l               | thấp hơn 0,01 g/l       | thấp hơn 1,06 g/l       |
| 5                                            | Công Viên Thủ Khoa Huân (phường 1, thành phố Mỹ Tho) | 0,15                      | giảm 0,23 g/l               | cao hơn 0,05 g/l        | thấp hơn 1,10 g/l       |
| <b>II Trên Sông Soài Rạp và Kênh Chợ Gạo</b> |                                                      |                           |                             |                         |                         |
| 1                                            | Cổng số 3 (xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây)           | 8,71                      | giảm 0,06 g/l               | cao hơn 0,89 g/l        | thấp hơn 3,69 g/l       |
| 2                                            | Cổng số 1 (xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo)         | 1,90                      | giảm 4,90 g/l               | thấp hơn 5,30 g/l       | cao hơn 0,30 g/l        |
| 3                                            | Cầu Chợ Gạo (thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo)        | 0,90                      | giảm 1,90 g/l               | thấp hơn 2,10 g/l       | thấp hơn 0,80 g/l       |
| 4                                            | UBND xã Xuân Đông (xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo)      | 0,30                      | giảm 0,50 g/l               | thấp hơn 1,00 g/l       | thấp hơn 1,20 g/l       |
| <b>III Trên Sông Hàm Luông</b>               |                                                      |                           |                             |                         |                         |
| 1                                            | Mỹ Hóa (phường 7, thành phố Bến Tre)                 | 2,20                      | giảm 0,20 g/l               | thấp hơn 0,60 g/l       | thấp hơn 4,40 g/l       |
| 2                                            | An Hiệp (xã An Hiệp, huyện Châu Thành, Bến Tre)      | 0,50                      | tương đương                 | cao hơn 0,40 g/l        | thấp hơn 1,20 g/l       |
| 3                                            | Vàm Mơn (xã Phú Sơn, huyện Chợ Lách, Bến Tre)        | 0,10                      | tương đương                 | tương đương             | thấp hơn 1,60 g/l       |
| <b>IV Trên Sông Vàm Cỏ Tây</b>               |                                                      |                           |                             |                         |                         |
| 1                                            | Cầu Tân An (thành phố Tân An)                        | 0,50                      | giảm 0,20 g/l               | thấp hơn 0,20 g/l       | thấp hơn 2,80 g/l       |

**- Dự án ngọt hóa Gò Công:**

- + Cổng Xuân Hòa, Rạch Chợ vận hành lấy gạn.
- + Mực nước trên kênh trục chính: từ +0,45 mét đến +0,47 mét.

**- Dự án Phú Thạnh-Phú Đông:**

- +Tất cả các cống đóng ngăn mặn.
- + Mực nước trên kênh trục chính: từ +0,07 mét đến +0,08 mét.

**- Dự án Bảo Định:**

- + Công Bảo Định, Gò Cát vận hành lấy nước. Công Xoài Hột vận hành tự do.
- + Mức nước trên kênh trực chính: từ +0,40 mét đến +0,53 mét.

**- Các công trên đường tỉnh 864 (giai đoạn 1):** Tất cả các công vận hành tự do./.

**Nơi nhận:**

- Sở NN&PTNT Tiền Giang;
- Cty TNHH MTV Khai thác CTTL TG
- UBND các huyện, thị, thành;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện;
- Phòng Kinh tế TPMT, TP Gò Công và TX Cai Lậy;
- Chi cục Thủy lợi;
- Lưu VT.

**TL. TRƯỞNG BAN  
CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Phạm Thanh Nhã**